

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-ST

Ngày: 19-5-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 549/2020/TLST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc A, sinh năm: 1961; Cư trú tại: Tổ 43, ấp 4, xã T, huyện Đ, tỉnh B (có mặt)

- *Bị đơn:* 1/ Anh Võ Văn T, sinh năm: 1989; Cư trú tại: Ấp D, xã X, thành phố C (có mặt)

2/ Anh Hồ Chí K, sinh năm: 1995; Cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố C (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Hồ Cẩm L, sinh năm 1989; Cư trú tại: Ấp B, xã T, Tp. C, tỉnh M (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc A trình bày: Trong năm 2018, bà có cho anh Hồ Chí K, anh Võ Văn T vay không lãi nhiều lần số tiền là 30.000.000đ, có sự bảo lãnh của chị Hồ Cẩm L là chị ruột của anh K. Sau đó đến năm 2019 anh K, anh T có thỏa thuận lại khoản vay trên sẽ tính lãi 3%/ tháng và đến thời điểm tháng 4/2019 anh K, anh T đã vay tổng cộng vốn vay là 182.000.000đ nhưng anh K, T không thanh toán được lãi. Đến ngày 06/5/2020 anh K, anh T đề nghị cộng dồn nợ vốn và lãi lại ghi thành biên nhận nợ số tiền 350 triệu đồng và góp trả mỗi tháng là 8.000.000đ nhưng sau đó chỉ trả được số tiền là 3.000.000đ. Tại đơn khởi kiện bà A yêu cầu anh K, anh T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ là 350 triệu đồng và lãi suất theo

qui định pháp luật, không yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán nợ do bảo lãnh. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà A tự nguyện thay đổi chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn vay là 182.000.000đ và lãi theo qui định pháp luật.

Đối với bị đơn là anh Võ Văn T, anh Hồ Chí K trình bày: Mỗi quan hệ giữa anh K, anh T chỉ là bạn bè nhưng thuê nhà trọ ở chung từ nhiều năm. Đến năm 2018 anh T và anh K thống nhất vay của bà A số tiền 30 triệu đồng, lãi suất 10%/tháng, thanh toán liên tục đến khoảng tháng 7/2019 thì do dịch bệnh, mưa nhiều, không có việc làm nên không trả tiền lãi cho bà A, sau đó bà A đã đe dọa, ép buộc anh Võ Văn T viết biên nhận nợ 350 triệu đồng và yêu cầu cả hai ký tên vào biên nhận, do quá sợ nên cả hai đồng ý ký tên. Quá trình vay bà A buộc chị Hồ Cẩm L là chị ruột của Hồ Chí K phải đứng ra bảo lãnh bà mới cho vay số tiền 30.000.000đ. Hiện anh T và anh K chỉ thống nhất trả số tiền 30.000.000đ và lãi theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Cẩm L trình bày: Vào năm 2018, anh Hồ Chí K (em ruột của bà L) và anh Võ Văn T có hỏi vay tiền của bà Trần Ngọc A nhiều lần với tổng số tiền là 27 triệu đồng. Do K, T làm ăn khó khăn nên hỏi vay tiền thêm của bà A, tuy nhiên bà A xác định nếu có người thân đứng ra bảo lãnh thì sẽ cho vay thêm 03 triệu đồng. Chị L có đứng ra bảo lãnh để K, T vay của bà A thêm số tiền là 03 triệu đồng và cộng với số tiền 27 triệu mà K, T còn nợ thì bà A yêu cầu bà viết tờ giấy bảo lãnh số tiền 30 triệu đồng, Nay chị L xác định nếu bà A yêu cầu trách nhiệm thanh toán của người bảo lãnh chị vẫn đồng ý trả nợ nhưng do bà A xác định chỉ yêu cầu anh K, anh T thanh toán không đặt ra trách nhiệm bảo lãnh của chị, chị thống nhất không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ phát sinh từ giao dịch tiền vay. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay của các bên là có diễn ra trong thực tế, tuy nhiên số tiền giao dịch chưa có sự thống nhất trong lời khai giữa các đương sự. Hiện các bị đơn chỉ thừa nhận có vay số tiền 30.000.000đ và cho rằng số tiền còn lại là do bị đơn không có tiền thanh toán lãi cao nguyên đơn đã tính lãi nhập vốn và ép buộc bị đơn phải viết lại biên nhận nợ số tiền 350.000.000đ, nhưng các bị đơn không nêu được cụ thể cách tính lãi và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền nợ này là do lãi cao nhập vào vốn. Trong khi đó tại biên nhận nợ chính do anh Võ Văn T đã viết có ký tên và lặn tay của cả anh K thể hiện ngày 06/5/2020 anh T, anh K có mượn bà A số tiền là 350.000.000đ thỏa thuận góp mỗi tháng 8.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận thực tế các bị đơn chỉ vay của nguyên đơn tính đến tháng 4/2019 số tiền vốn là 182.000.000đ và hiện chỉ yêu cầu thanh toán vốn vay khoản tiền này, đồng thời yêu cầu các bị đơn trả lãi theo qui định của pháp luật xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ hiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh T, anh K cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Đối với anh K, anh T xác định mặc dù chỉ là bạn nhưng cả hai đang cùng sống chung nhà và cùng thỏa thuận vay của bà A về sử dụng chung nên xác định sẽ cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ chung, xét thấy tự nguyện của các bị đơn là phù hợp nên chấp nhận. Riêng đối khoản nợ vay 30.000.000đ có bảo lãnh của chị Hồ Cẩm L hiện nguyên đơn xác định đây là khoản nợ vay chung của các bị đơn nên không đặt ra trách nhiệm bảo lãnh của chị L và các bị đơn cũng thống nhất không tranh chấp hợp đồng bảo lãnh nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về lãi suất: Tại biên nhận thể hiện các đương sự vay không lãi nhưng hiện các đương sự đều thừa nhận đây là khoản vay có lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng khi vay lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, bị đơn thì cho rằng 10%/tháng và hiện nguyên đơn xác định sau khi vay các bị đơn chỉ thanh toán được số tiền là 3.000.000đ đối với bị đơn thì cho rằng đã thanh toán lãi rất nhiều lần nhưng không chứng minh được số tiền đã trả lãi và bản thân bị đơn cũng không nhớ chính xác được thời gian, số tiền đã vay cụ thể do đó chấp nhận tự nguyện của nguyên đơn xác định thời gian vay từ tháng 4/2019 và đối trừ số tiền đã trả 3.000.000đ để làm cơ sở tính lãi cụ thể như sau:

Từ tháng 4/2019 đến ngày xét xử là 24 tháng 19 ngày: $182.000.000đ \times 1,66\% \times 24 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 74.422.226đ - 3.000.000đ \text{ đã trả còn lại } 71.422.226đ + \text{vốn vay } 182.000.000đ = 253.422.226đ.$

[6] Về án phí sơ thẩm: theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc A buộc anh Võ Văn T và anh Hồ Chí K thanh toán cho bà Trần Ngọc A số tiền nợ vay là 253.422.226đ (Trong đó vốn là 182.000.000đ, lãi là 71.422.226đ).

Kể từ ngày bà Trần Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Võ Văn T và anh Hồ Chí K không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn T, anh Hồ Chí K phải nộp 12.671.000đ (chưa nộp). Bà Trần Ngọc A không phải nộp, ngày 22/12/2020 bà đã dự nộp số tiền 8.750.000đ theo biên lai số 00000386 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc